

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-PT

Ngày 29-6-2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Hải

Các Thẩm phán: Ông Lê Thái Hưng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc: Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1998. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lộc Văn M, sinh năm 1989.

Cùng trú tại: Thôn Y, xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Anh Lộc Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Hoàng Thị Nh và anh Lộc Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 19-5-2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình, chính quyền địa phương cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nh và anh M có 01 con chung là cháu Lộc Hoàng T, sinh ngày 11-11-2017 hiện đang do chị Nh nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng. Anh M cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T nhưng không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nh và anh M đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Bản chính giấy chứng nhận kết hôn;
- Bản sao có công chứng Sổ hộ khẩu;
- Bản sao có công chứng giấy khai sinh của cháu T;
- Bản chính Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH công nghệ & TM DOLPHIN có địa chỉ tại thôn Làng G, xã Yên Th, huyện L và anh Lộc Văn M lập ngày 01/12/2021 có thời hạn đến 01/12/2022;
- Bảng thanh toán tiền lương tháng 12/2021 và tháng 01/2022 của Công ty TNHH công nghệ & TM DOLPHIN đối với anh M;
- Bản chính Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH điện máy Đ YB có địa chỉ tại tổ 02, thị trấn H, huyện L với chị Hoàng Thị Nh lập ngày 01/9/2021 có hiệu lực đến ngày 01/9/2024;
- Bảng thanh toán tiền lương từ tháng 9/2021 đến tháng 02/2022 của Công ty TNHH điện máy Đ YB đối với chị Nh.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Nh được ly hôn anh Lộc Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lộc Hoàng T, sinh ngày 11-11-2017 cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lộc Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-4-2022, anh M kháng cáo về phần giải quyết nuôi con chung. Anh M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo hướng giao cháu T cho anh M được trực tiếp nuôi và anh M không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Lộc Văn M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì chị Nh làm ở Công ty TNHH điện máy Đ YB nên đi sớm, về muộn, thời gian chăm sóc con không nhiều trong khi anh M không làm ở Công ty TNHH công nghệ & TM DOLPHIN nữa mà mở quán sửa chữa điện tử, điện lạnh ở gần nhà nên điều kiện nuôi con tốt hơn.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Nh trình bày ý kiến có nội dung được tóm tắt như sau: Chị Nh không đồng ý với kháng cáo của anh Lộc Văn M vì chị đang làm nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH điện máy Đ YB, thời gian làm việc theo giờ hành chính nên đủ điều kiện chăm sóc cháu T. Mặt khác, cháu T đang ở cùng ông bà ngoại rất gần trường học nên việc đưa đón cháu đi học cũng rất thuận tiện. Vì vậy, chị Nh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 33/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến có nội dung được tóm tắt như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục: Kháng cáo của anh M được gửi tới Tòa án trong thời hạn luật định nên cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lộc Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 33/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về phân nuôi con chung. Ngoài ra, cần tuyên anh M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lộc Văn M đảm bảo về hình thức và được gửi tới Toà án trong hạn luật định nên đủ điều kiện để được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Lộc Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã X, huyện L nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Nh là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của anh Lộc Văn M, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ...”

Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Đối chiếu với các quy định đã được viện dẫn nêu trên cho thấy: Nguyên vọng nuôi con chung của anh M và chị Nh đều chính đáng vì bố mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Tuy nhiên, xét về điều kiện, hoàn cảnh hiện nay thì chị Nh và cháu T đều đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị Nh ở thôn Y, xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Nh làm việc trong giờ hành chính tại Công ty TNHH Điện máy Đ YB thuộc thị trấn H, huyện L và có thu nhập trung bình từ 9.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để chăm sóc con chung. Ngược lại, theo đơn kháng cáo của anh M thì hiện nay anh M đã nghỉ việc tại Công ty TNHH Công nghệ và TM DOLPHIN tại xã Th, huyện L và bước đầu mở quán sửa chữa điện tử, điện lạnh ở gần nhà nên công việc và thu nhập chưa ổn định do đó điều kiện chăm sóc con chung chưa thể khẳng định được là tốt hơn so với chị Nh.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử giao cháu T cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tuyên anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung với mức 1.000.000đồng/tháng là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, kháng cáo của anh M là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lộc Văn M, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về phần nuôi con chung như sau:

Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Giao cháu Lộc Hoàng T, sinh ngày 11-11-2017 cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lộc Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nh với mức 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc cho tới khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi cháu T. Việc nộp tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện định kỳ hàng tháng, nếu các đương sự không có sự thoả thuận khác.

Kể từ ngày chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh M chưa nộp đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải nộp thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Lộc Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lộc Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số AA/2021/0002320 ngày 04-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái nên anh M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm nêu trên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GDKT1 – TANDTC;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TA, VKS huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Trung Hải